

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 108/2024/DS-ST

Ngày: 31 – 5 – 2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Trần Thanh Thắng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 551/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C.

Địa chỉ: Địa chỉ: Số A, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Phi L, sinh năm 1986; Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện P, tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

(Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 7300/QĐ-NHCS ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng C và Quyết định ủy quyền số 56/QĐ-NHCS ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C).

- *Bị đơn:*

1/ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962. (Vắng mặt)

2/ Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

- 3/ Bà Nguyễn Thị Trúc L1, sinh năm 1982. (Vắng mặt)
4/ Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1984. (Vắng mặt)
5/ Bà Nguyễn Bé T3, sinh năm 1986. (Vắng mặt)
6/ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1991. (Vắng mặt)
7/ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1993. (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 20/11/2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/3/2024 nguyên đơn trình bày: Căn cứ Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa ông Võ Văn T4 với Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C (gọi tắt là Ngân hàng); theo đó ông T4 đã vay vốn tại Ngân hàng món vay như sau: Ngày 07/3/2020 vay với số tiền gốc 20.000.000 đồng, lãi suất cho vay 8,25%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn vay 60 tháng, hạn cuối trả nợ 07/02/2025, lãi trả định kỳ vào ngày 07 hàng tháng, số tiền gốc phải trả định kỳ 6 tháng/lần, nguồn vốn cho vay hộ mới thoát nghèo. Về tình hình trả nợ, trả lãi tiền vay: Trả tiền gốc bằng 0 đồng, trả tiền lãi 1.447.000 đồng.

Tình trạng món vay đã quá hạn trả nợ gốc theo phân kỳ, nợ lãi nhưng đến nay ông T4 chưa thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của mình để trả dứt điểm nợ lãi cho Ngân hàng như hợp đồng tín dụng đã ký. Hiện nay ông T4 đã chết. Nay yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T4 gồm vợ bà Nguyễn Thị T1, cùng các con ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Trúc L1, ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị Bé T5, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B liên đới trách nhiệm trả khoản nợ vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà ông T4 đã ký kết với Ngân hàng và lãi phát sinh từ sau ngày xét xử đến thời điểm tất toán món nợ.

Tại biên bản làm việc ngày 22/02/2024 và ngày 16/5/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Việc vay vốn tại Ngân hàng do ông T4 vay, khi vay bà không biết và cũng không biết ông T4 sử dụng số tiền vay vào mục đích gì nên không đồng ý thanh toán nợ cho Ngân hàng. Ông T4 đã chết vào năm 2021. Bà và ông T4 có 06 người con chung gồm ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Trúc L1, ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị Bé T5, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B. Bà và ông T4 không có tài sản đất đai gì, chỉ có căn nhà cất trên phần đất mượn của người khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Bé T5, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Trúc L1, ông Nguyễn Văn R và ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C trình bày: Nay yêu cầu bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Trúc L1, ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị Bé T5, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B liên đới thanh toán số tiền 25.542.000 đồng, trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng và số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 31/5/2024 là 5.542.000 đồng và lãi phát sinh từ sau ngày xét xử đến thời điểm tất toán món nợ.

- Bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Trúc L1, ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị Bé T5, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B vắng mặt không lý do.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng được thực hiện đúng trình tự pháp luật quy định. Do ông Nguyễn Văn T6 chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng C nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Trúc L1, ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị Bé T5, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B liên đới thanh toán nợ gốc 20.000.000 đồng và số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 5.542.000 đồng và lãi phát sinh từ sau ngày xét xử đến thời điểm tất toán món nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng C khởi kiện bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Trúc L1, ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị Bé T5, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B về tranh chấp hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Trúc L1, ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị Bé T5, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B cư trú tại ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm

a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Trúc L1, ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị Bé T5, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà T1, ông T2, bà L1, ông R, bà T5, bà P và bà B theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Việc ông T6 vay nợ tại Ngân hàng là thực tế có xảy ra, khi vay đôi bên có thỏa thuận về thời hạn thanh toán và có lãi, nội dung hợp đồng không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ hồ sơ vay vốn thể hiện ông T6 vay vốn trực tiếp tại Ngân hàng C thuộc Phòng giao dịch huyện C với số tiền gốc 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 8,25%/năm, lãi quá hạn 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn vay 60 tháng. Ông T6 đã chết vào năm 2021. Ông T6 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc là vi phạm thời hạn thanh toán nợ theo hợp đồng xác lập làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên cho vay. Từ khi xác lập hợp đồng vay ngày 07/3/2020 đến thời điểm Ngân hàng làm đơn khởi kiện ngày 23/11/2023 thì khoản nợ vay của ông T6 đã quá hạn trả lãi và nợ gốc theo phân kỳ. Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế của ông T6 gồm bà T1, ông T2, bà L1, ông R, bà T5, ông P và bà B có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích cho Ngân hàng; bà T1 xác định khi ông T6 vay bà không biết và cũng không biết ông T6 sử dụng tiền vay vào mục đích gì nên không đồng ý thanh toán nợ; ông T2, bà L1, ông R, bà T5, ông P và bà B không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Xét thấy, tại Giấy uỷ quyền ngày 28/01/2020 thể hiện hộ gia đình tại thời điểm vay gồm ông T6, bà T1 và 07 thành viên khác là các con ông T6, bà T1. Ông T6 ký vay vốn với tư cách đại diện hộ gia đình. Do đó, khi ông T6 chết thì hàng thừa kế của ông T6 gồm vợ và các con phải có nghĩa vụ thanh toán nợ. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà T1, ông T2, bà L1, ông R, bà T5, ông P và bà B liên đới nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 25.542.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ đối với Ngân hàng.

[3] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Toà án chấp nhận nên bà T1, ông T2, bà L1, ông R, bà T5, ông P và bà B phải chịu án phí. Tuy nhiên, bà T1 thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng thuộc trường hợp không phải nộp án phí nên không đặt ra xem xét.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

Buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Trúc L1, ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị Bé T5, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng C số tiền 25.542.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Trúc L1, ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị Bé T5, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Trúc L1, ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị Bé T5, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B liên đới chịu 1.094.500 đồng.

- Bà Nguyễn Thị T1 thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí.
Ngân hàng C thuộc trường hợp không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như